

TỜ TRÌNH

**Đề nghị thông qua Nghị quyết quy định về chính sách
hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Nghị quyết), cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ xây dựng Nghị quyết

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.
- Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012.
- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.
- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông.
- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.
- Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.
- Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
- Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030.
- Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030.

- Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT) quy định tiêu chí xác định Chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp.

- Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030.

- Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định Tiêu chí xác định Chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp.

- Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 2 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định tiêu chí kinh tế trang trại.

- Nghị Quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh (trong đó ưu tiên về Chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn tại Chương V).

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025);

- Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Quyết định số 335-QĐ/TU ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (BTVTU) về việc kiện toàn Ban Chủ nhiệm thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp (thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Tỉnh ủy).

- Quyết định số 76-QĐ/TU ngày 03 tháng 12 năm 2020 của BTVTU về việc thành lập Ban Chủ nhiệm chương trình phát triển nông nghiệp toàn diện, hiệu quả; phát triển khoa học - công nghệ; phát triển thương mại - dịch vụ và chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đẩy nhanh phát triển văn hoá - xã hội, giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch số 01-KH/BCN76 ngày 22/01/2021 ban hành kế hoạch công tác của Ban Chủ nhiệm theo Quyết định số 76-QĐ/TU ngày 03 tháng 12 năm 2020 của BTVTU.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Với tiềm năng, lợi thế lớn về quy mô sản xuất, khí hậu, thổ nhưỡng, kỹ thuật canh tác và phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng hàng hóa (gồm các cây chủ

lực như: điều, hồ tiêu, cây cao su, cây ăn trái và chăn nuôi (heo, gà, dê)... Các ngành hàng này đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm; công tác quy hoạch vùng nguyên liệu, ưu tiên chế biến, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi từng bước tạo chỗ đứng vững chắc trên thị trường trong nước, thế giới. Trước xu thế tiêu dùng trong nước, quốc tế về nông sản sạch ngày càng cao, ổn định khoảng 20 %/năm và dịch chuyển từ mua tại chợ truyền thống qua các cửa hàng tiện lợi, siêu thị, hệ thống thương mại điện tử, mua online... tăng trưởng khoảng 30% năm đối với sản phẩm từ hạt điều, cây trái cây và chăn nuôi heo, gà... Bên cạnh đó, các tổ chức sản xuất nông nghiệp sạch điển hình như: Trang trại Ba Đảo (Phước Long); Trang trại Năm Điệp (Phú Riềng); Trang trại chăn nuôi gà Thanh Lương; Trang trại chăn nuôi chim Bồ câu Chiến Thắng (Chơn Thành); Mô hình sản xuất rau ăn lá (HTX nông nghiệp Minh Hưng); Mô hình cây ăn trái (HTX sầu riêng Bà Nghé, HTX Phước Thiện, Nông Thành Phát, Hồng Níp...); Mô hình sản xuất Dưa lưới, rau thủy canh (HTX Nguyên Khang-Garden, HTX Tân Quan); Mô hình sản xuất Điều hữu cơ (HTX Đồng Xanh, HTX Đồng Nai)... đã từng bước khẳng định thương hiệu, tiêu thụ tại các siêu thị lớn và liên kết với các doanh nghiệp xuất khẩu.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 2016-2020, các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, trang trại, các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh còn nhỏ lẻ, manh mún, tự phát, thiếu định hướng về tổ chức sản xuất, chất lượng chưa cao, sản xuất chưa chú trọng đến thị trường tiêu thụ, chưa quan tâm đến xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, xúc tiến thương mại... Ngân sách nhà nước các cấp hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch, hỗ trợ thông qua các hợp tác xã rất ít, thiếu đồng bộ, không trọng tâm, trọng điểm và năng lực về tổ chức sản xuất đối với các hợp tác xã nông nghiệp chưa được quan tâm; đồng thời, thực tiễn sản xuất, lưu thông và tiêu thụ nông sản hiện nay bị ảnh hưởng rất lớn của dịch bệnh Covid-19.

Do đó, để thích ứng linh hoạt, an toàn và sản xuất hiệu quả, cần thiết phải tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn, sản xuất cái thị trường cần và sản xuất phải gắn với thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ thông tin; sản phẩm phải có thương hiệu, nhãn hiệu, tiêu chuẩn, chất lượng; các doanh nghiệp, trang trại, hội quán, hợp tác xã phải nắm bắt được thông tin thị trường, quy trình sản xuất sạch, an toàn, chất lượng đáp ứng ngày càng cao của thị trường... việc xây dựng chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước là cấp thiết.

II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục tiêu chung của chính sách

- Xây dựng vùng nguyên liệu sạch, an toàn, phục vụ mục tiêu tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Sản xuất phải có quy hoạch, kế hoạch, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại, thương mại điện tử, công nghệ 4.0 vào trong sản xuất, kinh doanh.

- Đầu tư, hỗ trợ phải có trọng tâm, trọng điểm thống nhất, công khai, minh bạch và tập trung hỗ trợ thông qua các trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất nông nghiệp sạch.

2. Mục tiêu cụ thể của chính sách đến năm 2025

- Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho khoảng 100 lớp với 3.000 lượt người tham gia với đối tượng là: trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất nông nghiệp sạch của tỉnh.

- Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí cho các diện tích canh tác sản xuất nông nghiệp sạch với khoảng 10.000 ha điều, 5.200 ha hồ tiêu, 5.000 ha cây ăn trái, 400 ha rau màu, được xác định phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu, mẫu đất, nước, không khí.

- Có thêm khoảng 20.600 ha lĩnh vực trồng trọt và 10 hợp tác xã, trang trại, hội quán chăn nuôi dê, bò được Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận do Tổ chức chứng nhận cấp, mã vùng trồng, mã cơ sở vùng trồng.

- Xây dựng khoảng 100 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

- Hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác sản phẩm 01 lần trong một chu kỳ sản xuất cho 100 trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp tham gia sản xuất nông nghiệp sạch.

- Hỗ trợ cho 100 trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp xây dựng mô hình đầu tư giống, thiết bị, vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Góp phần hoàn thành chỉ tiêu đến năm 2025: thành lập mới khoảng 100 hợp tác xã nông nghiệp; 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới và tốc độ phát triển nông nghiệp đáp ứng yêu cầu nghị quyết đảng bộ tỉnh giai đoạn 2021-2025.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; chỉ đạo của BTVTU, phân công của Ban Chủ nhiệm theo Quyết định số 76-QĐ/TU ngày 03 tháng 12 năm 2020 của BTVTU, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành xây dựng Dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Ngày 24/6/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT có Công văn số 1139/SNN-VP gửi các cơ quan, đơn vị để lấy ý kiến về Dự thảo Nghị quyết (lần 1). Kết quả: có 12 đơn vị tham gia góp ý; các ý kiến đã được tiếp thu, giải trình và chỉnh sửa (Báo cáo số 170/BC-SNN ngày 07/7/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT).

Ngày 09/8/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT có Công văn số 1486/SNN-VP đề nghị các Sở, ngành góp ý Dự thảo Nghị quyết (lần 2). Kết quả: có 08 đơn vị



tham gia góp ý; các ý kiến đã được tiếp thu, giải trình và chỉnh sửa (Báo cáo số 220/BC-SNN ngày 20/8/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Ngày 25/10/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT có Công văn số 2127/SNN-VP đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố góp ý Dự thảo Nghị quyết (lần 3). Kết quả: có 07 đơn vị tham gia góp ý; các ý kiến đã được tiếp thu, giải trình và chỉnh sửa (Báo cáo số 220/BC-SNN ngày 20/8/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT).

Ngày 25/10/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT có Công văn số 2121/SNN-VP gửi Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh về việc xem xét, lấy ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết. Kết quả: Tại Công văn số 1309/MTTQ-BTT ngày 29/10/2021, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh có ý kiến: do không đảm bảo thời gian lấy ý kiến phản biện xã hội tối thiểu 15 ngày theo quy định nên không thể lấy ý kiến phản biện xã hội.

Ngày 01/11/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT có Công văn số 2176/SNN-VP đề nghị Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ xây dựng Nghị quyết. Ngày 03/11/2021, Sở Tư pháp có Báo cáo số 274/BC-STP về thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu và giải trình (Báo cáo số 305/BC-SNN ngày 03/11/2021).

Ngày 05/11/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục có Công văn số 2221/SNN-VP đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh xem xét, lấy ý kiến phản biện xã hội theo quy định (lần 2). Khi Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh có ý kiến phản hồi, UBND tỉnh sẽ tiếp thu các ý kiến phản biện xã hội và báo cáo, bổ sung hồ sơ trình HĐND tỉnh.

Ngày 08/11/2021, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp tục tiếp thu ý kiến góp ý, bổ sung và hoàn thiện các nội dung tại hồ sơ xây dựng Nghị quyết trên cơ sở ý kiến góp ý, phúc đáp của Sở Tài chính và Sở Công Thương (Báo cáo số 309/BC-SNN ngày 08/11/2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT).

Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết tại Tờ trình số 207/TTr-SNN ngày 08/11/2021 và đề xuất UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

IV. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

- Trang trại hoạt động theo tiêu chí của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- Hội quán được UBND cấp xã thành lập theo quy định.

- Hợp tác xã, các thành viên hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012.

- Doanh nghiệp có liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản.

- Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã.

3. Giải thích từ ngữ

- Sản xuất nông nghiệp sạch là: Sản xuất cung ứng ra thị trường các sản phẩm có đủ điều kiện an toàn thực phẩm; áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận; đảm bảo thân thiện với môi trường, sức khỏe cộng đồng và được hiểu là các loại hình sản xuất như: sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap, VietHGap, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, tuần hoàn, sinh thái, số hóa.

- Thành viên: Được hiểu là thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- Hội quán: Là một tổ chức do những người nông dân có cùng sở thích vận động thành lập để cùng nhau trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, tìm kiếm thị trường trên cơ sở tự nguyện và tự chịu trách nhiệm.

- Trang trại: là các trang trại hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, tổng hợp được thành lập theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 2 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định tiêu chí kinh tế trang trại.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 5 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Điều 3. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch

Điều 4. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan được tỉnh, Trung ương quy định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của chính sách

Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết tập trung vào Điều 3, gồm 6 nội dung, cụ thể:

- Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cho các trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất nông nghiệp sạch.

- Xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp sạch.

- Cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận về nông nghiệp sạch.

- Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp.
- Hỗ trợ bao bì, nhãn mác sản phẩm.
- Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp sạch.

3. Nguồn vốn thực hiện chính sách

a) Nguồn lực

- Ngân sách tỉnh, địa phương theo quy định hiện hành.
- Từ Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình, dự án khác từ trung ương.
- Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Dự kiến kinh phí: 30.355.000.000 đồng, trong đó:

- Các trang trại, hội quán, HTX đối ứng: 6.690.000.000 đồng.
- Nguồn vốn khác: 7.462.500.000 đồng.
- Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 16.202.500.000 đồng.

4. Điều kiện đảm bảo

- Đối với ngân sách tỉnh, địa phương: UBND tỉnh, UBND cấp huyện chủ động cân đối ngân sách của tỉnh, huyện, xã bố trí nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Chương trình khuyến nông; Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nguồn kinh phí sự nghiệp được giao và nguồn vốn từ các chương trình và dự án hợp pháp khác để thực hiện Nghị quyết.

- Từ các tổ chức, cá nhân khác có liên quan: Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh theo quy định.

5. Kết quả đạt được của chính sách

a) Về số lượng

Khoảng 10.000 ha điều: dự kiến tại 4 huyện, thị xã gồm: Đồng Phú, Phú Riềng; Bù Đăng và Bù Gia Mập.

Khoảng 5.200 ha hồ tiêu: dự kiến tại 4 huyện, thị xã gồm: Lộc Ninh; Bù Đốp; Phú Riềng, Bình Long và Bù Gia Mập.

Khoảng 5.000 ha cây ăn trái: 11/11 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn.

Khoảng 20.600 ha diện tích trồng trọt của 90 trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp và 10 trang trại, hội quán, hợp tác xã chăn nuôi được cấp giấy an toàn thú y, có truy xuất nguồn gốc.



b) Về kinh tế - xã hội:

Góp phần đẩy nhanh sản xuất nông nghiệp sạch, theo thị trường, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm và xây dựng nông thôn mới.

c) Góp phần hoàn thành chỉ tiêu đến năm 2025:

Thành lập mới khoảng 100 trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp; 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới và tốc độ phát triển nông nghiệp đáp ứng yêu cầu nghị quyết đảng bộ tỉnh.

V. KIẾN NGHỊ

Đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đang tiếp thu và lấy ý kiến phản biện xã hội (lần 2) của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh về nội dung dự thảo chính sách. Do đó, để đảm bảo về thời gian và thủ tục, rất mong HĐND tỉnh xem xét, phê duyệt.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước, UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, chấp thuận./.

(Có dự thảo kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TP, KH&ĐT, TC, CT;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT (NN-4HĐND_{10/11}).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền



Số: /2021/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHOÁ X KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Điểm b, Khoản 3, Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 2 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chí kinh tế trang trại;

Thực hiện Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030;

Thực hiện Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Tiêu chí xác định Chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp;

Thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-BKTNS ngày tháng năm 2021 của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trang trại hoạt động theo tiêu chí của Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 2 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chí kinh tế trang trại.

b) Hội quán được Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập theo quy định.

c) Hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012.

d) Doanh nghiệp có liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản.

đ) Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Sản xuất nông nghiệp sạch: Là sản xuất cung ứng ra thị trường các sản phẩm có đủ điều kiện an toàn thực phẩm; áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận; đảm bảo thân thiện với môi trường, sức khỏe cộng đồng và được hiểu là các loại hình sản xuất như: sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap, VietHGap, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, tuần hoàn, sinh thái, số hóa.

2. Thành viên: Được hiểu là thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Hội quán: Là một tổ chức do những người nông dân có cùng sở thích, vận động thành lập để cùng nhau trao đổi, học hỏi kinh nghiệm, tìm kiếm thị trường trên cơ sở tự nguyện và tự chịu trách nhiệm.

4. Trang trại: Là các trang trại hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, tổng hợp, được thành lập theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 2 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chí kinh tế trang trại.

Điều 3. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch

1. Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cho các trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất nông nghiệp sạch

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập cho các đối tượng sản xuất nông nghiệp sạch của tỉnh.

2. Xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp sạch

Nhà nước hỗ trợ tối đa một lần bằng 100% chi phí để điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí, mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói cho các diện tích canh tác sản xuất nông nghiệp sạch, kinh phí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận về nông nghiệp sạch

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí một lần (cấp lần đầu hoặc cấp lại) giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương như: Vietgap, Globalgap, hữu cơ, thương mại công bằng, nông nghiệp sinh thái, sản xuất an toàn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho các trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất nông nghiệp sạch, kinh phí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng để xây dựng quản lý, quy trình sản xuất, thiết kế, sử dụng mã vùng trồng, tiêu chuẩn chất lượng; thiết kế bao bì, nhãn mác, quy trình đăng ký mã vùng trồng, mã vạch, mua, bán vật tư nông nghiệp, thương mại, thương mại điện tử, đàm phán, thị trường, ứng dụng công nghệ thông tin cho sản xuất nông nghiệp sạch, kinh phí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Hỗ trợ bao bì, nhãn mác sản phẩm

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí một chu kỳ sản xuất gồm: mua tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác cho sản xuất nông nghiệp sạch.

6. Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp sạch.

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu (một lần) đối với địa bàn cấp xã, thôn, ấp khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và 50% đối với địa bàn các xã còn lại.

Điều 4. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan được tỉnh, Trung ương quy định.

Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Khóa X Kỳ họp thứ ba thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và có hiệu lực từ ngày... tháng ... năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Các bộ: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các ban và VP. Tỉnh ủy;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- VP.Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH & Báo BP, TT Thông tin;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Số: /BC-UBND

Bình Phước, ngày tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước
khi ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Bình Phước là một tỉnh nằm trong vùng trọng điểm kinh tế phía Nam thuộc miền Đông Nam Bộ, có 260 km đường biên giới giáp Vương quốc Campuchia, có 01 cửa khẩu quốc tế Hoa Lư, 02 cửa khẩu chính là Hoàng Diệu và Lộc Thịnh, 01 cửa khẩu phụ Tân Tiến và 01 lối mở Lộc Tấn; là cửa ngõ, cầu nối giữa vùng Đông Nam Bộ với các tỉnh Tây Nguyên.

Xu thế tiêu dùng hiện nay và định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh¹ từ nay đến 2025 với 3 trọng tâm: Tạo vùng nguyên liệu; chế biến; hình thành liên kết chuỗi. 03 ngành trọng điểm: Chăn nuôi; trồng trọt; lâm nghiệp. 3 sản phẩm xuất khẩu chủ yếu: Chăn nuôi (heo, gà); hạt điều; sản phẩm từ gỗ. Trong đó, ưu tiên phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sạch, an toàn, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, số hóa, nông nghiệp tuần hoàn và thương mại điện tử từ đó đòi hỏi chúng ta phải thay đổi lại nhận thức từ sản xuất nông nghiệp chạy theo số lượng sang phát triển kinh tế nông nghiệp, sản xuất cái thị trường cần, gắn sản xuất với sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc.

Nông nghiệp nước ta nói chung và nông sản của tỉnh đã tham gia và hội nhập sâu với thế giới² thì sản xuất nông nghiệp³ của tỉnh có tiềm năng, lợi thế rất lớn, phát triển sản xuất phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, thời gian qua, sản xuất nông nghiệp của tỉnh chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Bên cạnh đó, dịch, bệnh Covid-19 ở trong nước và quốc tế diễn biến phức tạp, các nông sản chính của tỉnh tuy vẫn có bước phát triển tốt do các doanh nghiệp đã chủ động xây dựng vùng nguyên liệu, hàng hóa nhưng chưa bền vững ở một số nơi, số chỗ vẫn bị đứt gãy ở các khâu, nhất là tại khâu sản xuất của nông dân vì nông dân vẫn chủ yếu sản xuất nhỏ, lẻ, manh mún, sản xuất theo truyền thống, sản xuất cái mình có, không bám sát thị trường; sản xuất lạm dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hóa học... Việc ứng dụng công nghệ mới, cuộc cách mạng 4.0, thương mại điện tử rất hạn chế nên nông sản khó tiêu thụ tại các

¹ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22/10/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025

² Việt Nam đã tham gia ký kết 13 Hiệp định thương mại tự do (FTA) gồm: 7 FTA ký kết với tư cách là thành viên ASEAN và 6 FTA ký kết với tư cách là một bên độc lập và hiện đang đàm phán 3 FTA gồm Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), FTA với Khối thương mại tự do châu Âu (EFTA), FTA Việt Nam-Israel

³ Bao gồm: Cao su, điều, hồ tiêu, cây ăn trái và heo, gà....

kênh như: nhà hàng, siêu thị, kênh thương mại điện tử và xuất khẩu qua các thị trường lớn; chưa quan tâm đến xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý.

Trong giai đoạn 2016-2020, thực tế việc hỗ trợ mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, trang trại, hợp tác xã rất ít; thiếu đồng bộ; không trọng tâm, trọng điểm; sản xuất nông nghiệp sạch còn manh mún, không có tiêu chuẩn, không bao bì, nhãn mác, không có thương hiệu, truy xuất nguồn gốc; ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa, minh bạch thị trường rất hạn chế và rất thiếu nguồn lực, vật lực trong khâu sơ chế, chế biến và thương mại điện tử, mua bán online.

Với diễn biến dịch, bệnh Covid-19 ngày càng phức tạp, khó lường, chúng ta phải đẩy nhanh, mạnh hơn nữa việc tổ chức lại sản xuất, sản xuất phải theo tiêu chuẩn, sản xuất cái thị trường cần và sản xuất phải gắn với thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại điện tử, có thương hiệu, nhãn hiệu, tiêu chuẩn chất lượng và nông dân phải biết được thông tin thị trường cần sản phẩm nào, số lượng, tiêu chuẩn, mẫu mã ra sao để điều chỉnh mùa vụ, quy trình canh tác và phải ứng dụng được công nghệ thông tin, thanh toán điện tử, bán hàng qua mạng, kênh thương mại điện tử...

Theo thông kê đến nay, trên địa bàn tỉnh có 174 hợp tác xã nông nghiệp và 487 trang trại đăng ký hoạt động, đã góp phần rất lớn thay đổi bộ mặt nông thôn, tuy nhiên, các trang trại, hợp tác xã đều có quy mô nhỏ, liên kết với nhau còn thiếu bền vững, sản xuất vẫn chủ yếu là tự phát, chưa tập trung vào sản xuất nông sản sạch, an toàn, bền vững.

Để thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Đại hội Đại biểu đảng bộ tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025; Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021-2026 và Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025), cần thiết phải ban hành một Nghị quyết về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng tác động của chính sách

- Trang trại hoạt động theo tiêu chí của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- Hội quán được UBND cấp xã thành lập theo quy định.
- Hợp tác xã, các thành viên hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012.
- Doanh nghiệp có liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản.
- Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã.

3. Mục tiêu của chính sách

a) Mục tiêu chung

- Xây dựng vùng nguyên liệu sạch, an toàn phục vụ mục tiêu tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và thúc đẩy chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Sản xuất phải có quy hoạch, kế hoạch, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, phải đủ lớn, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, thương mại, thương mại điện tử, công nghệ 4.0 vào trong sản xuất, kinh doanh.

- Đầu tư, hỗ trợ phải có trọng tâm, trọng điểm thống nhất, công khai, minh bạch và tập trung hỗ trợ thông qua các trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất nông nghiệp sạch.

b) Mục tiêu cụ thể của chính sách đến năm 2025

- Đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho khoảng 100 lớp với 3.000 lượt người tham gia cho các đối tượng là trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất nông nghiệp sạch của tỉnh.

- Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí cho các diện tích canh tác sản xuất nông nghiệp sạch với khoảng 10.000 ha điều; 5.200 ha hồ tiêu; 5.000 ha cây ăn trái; 400 ha rau màu được xác định có phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu, mẫu đất, nước, không khí.

- Có thêm khoảng 20.600 ha lĩnh vực trồng trọt và 10 hợp tác xã, trang trại, hội quán chăn nuôi dê, bò được Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận do Tổ chức chứng nhận cấp, mã vùng trồng, mã cơ sở vùng trồng.

- Xây dựng khoảng 100 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

- Hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác sản phẩm 01 lần trong một chu kỳ sản xuất cho 100 trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp tham gia sản xuất nông nghiệp sạch.

- Hỗ trợ cho 100 trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp xây dựng mô hình đầu tư giống, thiết bị, vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Góp phần hoàn thành chỉ tiêu đến năm 2025: thành lập mới khoảng 100 hợp tác xã nông nghiệp; 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới và tốc độ phát triển nông nghiệp đáp ứng yêu cầu nghị quyết đảng bộ tỉnh giai đoạn 2021-2025.

II. Đánh giá tác động của chính sách

1. Tác động tổng thể về tất cả các chính sách

a) Tác động về kinh tế

- Việc ban hành Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh, quy định nội dung, mức hỗ trợ, từ đó, làm phát sinh thêm nguồn kinh phí hỗ trợ, gánh nặng cho Ngân sách tỉnh. Tuy nhiên, sẽ mang lại những tác động tích

cực đến sự phát triển trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp như: nâng cao hiệu quả, chất lượng nông sản, giảm chi phí sản xuất cũng như quản lý tốt vùng nguyên liệu sản xuất, định hướng được thị trường tiêu thụ, sản xuất ra các sản phẩm sạch, an toàn có thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì nhãn mác, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng và sản xuất theo chuỗi giá trị sản xuất, khắc phục tình trạng chạy theo phong trào, manh mún, thiếu quy hoạch, kế hoạch sản xuất... từ đó, nâng cao thu nhập cho trang trại, hội quán và các hợp tác xã nông nghiệp. Mặt khác, các doanh nghiệp cũng sẽ xây dựng được những vùng nguyên liệu ổn định, đảm bảo chất lượng và nâng cao hiệu quả sản xuất, tiến đến kinh doanh bền vững, hiệu quả, nộp thuế cho Nhà nước. Nhìn chung, giá trị kinh tế tổng thể mà chính sách mang lại sẽ lớn hơn rất nhiều so với nguồn kinh phí Nhà nước hỗ trợ.

- Giúp nông dân, người tiêu dùng thay đổi tư duy sản xuất, phương thức canh tác, năng lực sản xuất, hoạt động của các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp nâng cao chất lượng nông sản, sản xuất nông sản chất lượng cao, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

b) Tác động về xã hội

-Việc hỗ trợ chính sách sẽ mở ra hướng phát triển một nền nông nghiệp sản xuất theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, từ đó, nâng cao thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân, góp phần ổn định xã hội ở khu vực nông thôn, tiến tới thu hút nguồn lao động từ các thành phố quay trở về quê hương để sản xuất, giảm áp lực về dân số cũng như việc làm cho khu vực thành thị, nhất là xây dựng nông thôn mới.

- Trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp hiện nay và bài học trong việc thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại 18 tỉnh, thành phía Nam vừa qua, việc phải tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi, nông sản phải có thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, bao bì nhãn mác là rất cấp thiết, tạo tác động rất tích cực về mặt nhận thức của người dân, người tiêu dùng, và nông dân phải thay đổi tư duy từ sản xuất cái mình có sang sản xuất theo yêu cầu và thị trường cần, uy tín, chất lượng và kịp thời.

c) Tác động về thủ tục hành chính

Việc thực hiện, áp dụng chính sách này không tăng thêm thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật

Trong bối cảnh chúng ta đang thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, việc ban hành chính sách này là phù hợp, có ý nghĩa lớn đối với cả nông dân, trang trại, hội quán, các hợp tác xã cũng như các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, sẽ làm tăng tính khả thi của chính sách cũng như sự tuân thủ của các đối tượng chịu tác động trực tiếp. Mặt khác, việc ban hành chính sách này hoàn toàn phù hợp với những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, quy định của Trung ương hiện hành.

2. Tác động riêng rẽ của từng chính sách

2.1. Chính sách 1. Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cho các trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp sản xuất nông nghiệp sạch.

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập cho các đối tượng sản xuất nông nghiệp sạch.

a) Xác định vấn đề bất cập

Trung ương có rất nhiều văn bản có liên quan đến nội dung này như Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về Khuyến nông; Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ; Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030.... nhưng tỉnh chưa ban hành chính sách riêng, cụ thể hóa.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Mục tiêu của chính sách này nhằm thống nhất các nội dung hỗ trợ trên địa bàn tỉnh, tạo ra quy định, áp dụng chung trong đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát, học tập cho các đối tượng sản xuất nông nghiệp sạch.

- Tổ chức 100 lớp với khoảng 3.000 người.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Để cho Sở ngành, địa phương căn cứ nội dung, nhiệm vụ, chương trình, kinh phí được giao, áp dụng định mức, hình thức khác nhau của Trung ương hỗ trợ như giai đoạn 2016-2020.

- Giải pháp 2: Thống nhất Ngân sách nhà nước cấp trên địa bàn tỉnh hỗ trợ tối đa 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1: Mạnh mún, dàn trải, không hiệu quả và nhiều khi trùng lặp các đối tượng, không hiệu quả và hình thức.

- Giải pháp 2: Sẽ làm tăng kinh phí hỗ trợ trong ngắn hạn nhưng sẽ có tác động tích cực đến sản xuất nông nghiệp, thống nhất áp dụng trên địa bàn, các Sở ngành, địa phương cùng phối hợp thực hiện, nâng cao nhận thức của người dân, các chủ thể tham gia sản xuất nông nghiệp sạch là yếu tố quan trọng giúp tăng hiệu quả, chất lượng nông sản trên địa bàn tỉnh.

e) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Lựa chọn giải pháp 2. Quy định mức hỗ trợ tối đa cho mỗi lần hỗ trợ mô hình, địa bàn, đối tượng và nguồn kinh phí hỗ trợ và cấp xã phải có trách nhiệm về các đối tượng thụ hưởng.

2.2. Chính sách 2. Xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp sạch

Nhà nước hỗ trợ tối đa một lần bằng 100% kinh phí để điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí cho các diện tích canh tác; mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói... cho sản xuất nông nghiệp sạch, kinh phí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Xác định vấn đề bất cập

Giai đoạn vừa qua, người dân sản xuất chủ yếu là tự phát, theo kinh nghiệm, phong trào và đòi hỏi kinh phí lớn, sản phẩm không bán trực tiếp cho người tiêu dùng nên việc điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí cho các diện tích canh tác; mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói thiếu quan tâm; bên cạnh đó, kinh phí Nhà nước hỗ trợ nội dung này ít được các cấp, ngành quan tâm, bố trí vốn, dẫn đến nông dân sản xuất manh mún, không theo quy hoạch, thậm trí một số nông hộ tự phát trồng các loại cây trồng không phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu, chất đất... nên xảy ra tình trạng tình phải giải cứu, hỗ trợ (như: sản xuất hồ tiêu tại một số địa phương trong thời gian vừa qua).

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Chính sách này nhằm hỗ trợ các trang trại, hội quán, các hợp tác xã điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí, xác định loại cây trồng phù hợp, mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói phục vụ sản xuất tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Có khoảng 10.000 ha điều; 5.200 ha hồ tiêu; 5.000 ha cây ăn trái; 400 ha rau màu được hỗ trợ.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Đề cho Sở, ngành, địa phương và các trang trại, hội quán, hợp tác xã, doanh nghiệp căn cứ kinh phí được giao, yêu cầu của thị trường tự phát thực hiện như giai đoạn 2016-2020.

Giải pháp 2: Áp dụng quy định chung của toàn tỉnh, chỉ tập trung hỗ trợ cho các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch thông qua trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp theo quy hoạch, định hướng phát triển của tỉnh.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Giải pháp 1: Đối với giải pháp này có lợi ích là: giảm áp lực đối với ngân sách, các đơn vị có kinh phí, thị trường tự làm nhưng chúng ta chấp nhận manh mún, nhỏ lẻ, vẫn có nông dân canh tác không đúng loại cây trồng trên diện tích của mình và đôi lúc vẫn phải giải quyết các hậu quả như thời gian vừa qua.

Giải pháp 2: Sẽ làm tăng kinh phí hỗ trợ, mở rộng đối tượng và nội dung hỗ trợ nhưng giải quyết rất tốt công tác xây dựng vùng nguyên liệu, xác định được rõ những loại cây trồng phù hợp với địa hình, thổ nhưỡng, mã vùng trồng, mã cơ sở, cơ sở đóng gói, thị trường, quy hoạch vùng sản xuất của tỉnh thông qua việc số hóa vùng nguyên liệu, khu vực sản xuất nông nghiệp.

e) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Giải pháp 2: Quy định cụ thể mức, nội dung hỗ trợ.

3. Chính sách 3. Cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí một lần (cấp lần đầu hoặc cấp lại) giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương như: Vietgap, Globalgap, hữu cơ, thương mại công bằng, nông nghiệp sinh thái, sản xuất an toàn, nông nghiệp công nghệ cao... cho các trang trại, hội quán, hỗ trợ cho các hợp tác xã nông nghiệp, kinh phí do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, Trung ương có 02 văn bản có liên quan nội dung này là: Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ. Tuy nhiên, tỉnh không ban hành các chính sách riêng. Nếu không có chính sách riêng cho nội dung này thì việc thực hiện sẽ gặp rất nhiều khó khăn, các địa phương thiếu có căn cứ pháp lý để triển khai hỗ trợ.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thống nhất nội dung hỗ trợ trên địa bàn tỉnh, tránh tình trạng manh mún, tự phát, nhỏ lẻ và trùng lặp giữa các đơn vị hỗ trợ.

- Khuyến khích người dân, trang trại, hội quán, các hợp tác xã sản xuất nông sản có chứng nhận, có tiêu chuẩn, chất lượng và xây dựng thương hiệu.

- Hỗ trợ thêm khoảng 20.600 ha lĩnh vực trồng trọt và 10 hợp tác xã, trang trại, hội quán được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận do Tổ chức chứng nhận cấp, mã vùng trồng, mã cơ sở vùng trồng.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: Tùy theo các chương trình, dự án của các địa phương, ngành hỗ trợ theo hướng manh mún, thiếu tập trung, trọng điểm.

Giải pháp 2. Đầu tư trọng tâm, trọng điểm theo quy hoạch, kế hoạch của tỉnh, huyện và tập trung đối tượng có quy mô lớn, gắn sản xuất với thị trường, có sức lan tỏa.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1: Manh mún, dàn trải, không hiệu quả và nhiều khi trùng lặp các đối tượng, hình thức.

- Giải pháp 2: Tác động tích cực, nâng cao nhận thức của người dân, các chủ thể tham gia sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn và giúp nông sản của tỉnh cạnh tranh tốt hơn trên thị trường trong và ngoài nước, tăng hiệu quả, chất lượng, giá trị nông sản của tỉnh.

e) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Lựa chọn giải pháp 2.

4. Chính sách 4. Xây dựng khoảng 100 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp

a) Xác định vấn đề bất cập

Hiện có trên 90 % các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua chưa áp dụng mô hình về quản lý, quy trình sản xuất, thiết kế, sử dụng mã vùng trồng, tiêu chuẩn chất lượng; thiết kế bao bì, nhãn mác, quy trình đăng ký mã vùng trồng, mã vạch, mua, bán vật tư nông nghiệp, thương mại, thương mại điện tử, đàm phán, thị trường, ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hỗ trợ khoảng 100 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

- Từ nay đến năm 2025, có khoảng 50% các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng mô hình về quản lý, quy trình sản xuất, thiết kế, sử dụng mã vùng trồng, tiêu chuẩn chất lượng; thiết kế bao bì, nhãn mác, quy trình đăng ký mã vùng trồng, mã vạch, mua, bán vật tư nông nghiệp, thương mại, thương mại điện tử, đàm phán, thị trường, ứng dụng công nghệ thông tin.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Đề các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh căn cứ nhu cầu thị trường, tự xây dựng các mô hình của mình cho phù hợp với thực tế.

- Giải pháp 2. Nhà nước đồng hành và hỗ trợ 01 phần kinh phí để các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng, triển khai thực hiện.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1: Không bị ảnh hưởng.

- Giải pháp 2: Sẽ khuyến khích được các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp xây dựng được mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp phù hợp với đơn vị và xu thế phát triển của thị trường hiện nay.

e) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Lựa chọn giải pháp 2.

5. Chính sách 5. Hỗ trợ bao bì, nhãn mác sản phẩm

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí một chu kỳ sản xuất gồm: mua tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác cho sản xuất nông nghiệp sạch.

a) Xác định vấn đề bất cập

Nhu cầu thị trường nông sản trong nước cũng như thế giới hiện nay, nhất là tình hình dịch, bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp, người tiêu dùng ngày càng đòi hỏi nông sản bán ra phải có bao, bì nhãn mác, tiêu chuẩn, chất lượng an toàn... Tuy nhiên, nông sản của tỉnh chủ yếu không có tiêu chuẩn, chất lượng, bao bì, nhãn mác, thương hiệu; nông dân vẫn chủ yếu bán thô, chưa qua sơ chế, chế biến và bán thông qua các thương lái.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hỗ trợ 100 trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác sản phẩm.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1. Đề các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh căn cứ nhu cầu thị trường, tự xây dựng.

- Giải pháp 2. Nhà nước đồng hành và hỗ trợ 01 phần kinh phí để các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh áp dụng, triển khai thực hiện.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1: Không bị ảnh hưởng.

- Giải pháp 2: Sẽ tạo luồng gió mới, khuyến khích, giúp các trang trại, hội quán, các hợp tác xã nông nghiệp xây dựng thương hiệu, bao bì nhãn mác, phát triển thị trường, nhất là thị trường thông qua các kênh thương mại điện tử, siêu thị và giúp người tiêu dùng yên tâm với hàng hóa đã mua.

e) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Lựa chọn giải pháp 2.

6. Chính sách 6. Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp sạch

Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu (một lần) đối với địa bàn cấp xã, thôn, ấp khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và 50% đối với địa bàn các xã còn lại.

a) Xác định vấn đề bất cập

- Thời gian vừa qua, sản xuất nông nghiệp đã có những phát triển bền vững, góp phần rất lớn vào phát triển kinh tế nông thôn, góp phần xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, tuy nhiên, nông dân vẫn đang chạy theo số lượng, lạm dụng việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, hàng hóa cung cấp ra thị trường còn dư rất nhiều chất cấm, gây hại cho người tiêu dùng, gây bức xúc cho xã hội.

- Việc sử dụng giống, thiết bị, vật tư thiết yếu hiện nay không đồng nhất, đồng bộ, tự phát, mỗi nơi một kiểu nên hàng hóa nông sản khi bán tại chợ truyền thống thì được nhưng cung cấp cho các siêu thị, kênh thương mại điện tử thì không

đáp ứng được vì chất lượng không bảo đảm, lượng hàng ít, số lượng không đủ... Do đó, việc thống nhất xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, tập trung hỗ trợ cho các đối tượng chủ trang trại, hội quán, hợp tác xã là cần thiết nhằm tập trung nguồn lực, tạo sức lan tỏa và khuyến khích nông dân tham gia các hội quán, hợp tác xã.

- Trong thời gian diễn biến cách xã hội do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 vừa qua, các nông sản của nông dân sản xuất nhỏ, lẻ manh mún bị ứ đọng, không tiêu thụ được nhưng các nông sản có thương hiệu, bao bì, nhãn mác, tiêu chuẩn chất lượng đều được người tiêu dùng đón nhận, hàng hóa không đủ cung cấp cho thị trường, nhất là các kênh thương mại điện tử, online, các sàn giao dịch điện tử.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hỗ trợ cho 100 trang trại, hội quán, hợp tác xã nông nghiệp giống, thiết bị, vật tư thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp sạch.

c) Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Đề các Sở, ngành, địa phương tự xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp, manh mún, thiếu quy hoạch như trong giai đoạn vừa qua.

- Giải pháp 2. Tập trung các nguồn lực của nhà nước, xã hội xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, có thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì nhãn mác.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1: Không bị ảnh hưởng tăng chi phí ngân sách.

- Giải pháp 2: Sẽ xây dựng được các mô hình sản xuất nông sản sạch, an toàn, đáp ứng người tiêu dùng thông qua các kênh truyền thống, các kênh thương mại điện tử, các sàn giao dịch trong và ngoài nước, tiến đến cung cấp số lượng, chất lượng ổn định và tạo, lấy lòng tin người tiêu dùng về nông sản của tỉnh.

e) Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Lựa chọn giải pháp 2.

III. Dự kiến nguồn lực và các sản phẩm dự kiến đạt được

1. Nguồn lực

- Ngân sách tỉnh, địa phương theo quy định hiện hành.
- Các chương trình, dự án khác của tỉnh, Trung ương.
- Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
- Vốn đối ứng của các trang trại, hội quán, hợp tác xã, các doanh nghiệp tham gia (nếu có).

2. Các sản phẩm ưu tiên thực hiện chính sách

- Sản phẩm trồng trọt gồm: Điều, Hồ tiêu, cây ăn trái (bưởi, xoài, mít, sầu riêng, nhãn...cam, quýt), rau màu.
- Sản phẩm chăn nuôi gồm: Heo, gà, bò và dê.

3. Dự kiến nguồn lực và kinh phí thực hiện: 30.355.000.000 đồng, gồm:

- Các trang trại, hội quán, HTX đối ứng: 6.690.000.000 đồng
- Nguồn vốn khác: 7.462.500.000 đồng.
- Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 16.202.500.000 đồng, cụ thể:
 - + Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo cho các trang trại, hội quán, hợp tác xã: 975.000.000 đồng.
 - + Xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp sạch: 1.030.000.000 đồng.
 - + Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc tương đương mà pháp luật Việt Nam ký, công nhận: 7.710.000.000 đồng
 - + Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp: 2.500.000.000 đồng
 - + Hỗ trợ bao bì, nhãn mác sản phẩm (tem truy xuất nguồn gốc, bao bì, nhãn mác sản phẩm): 1.287.500.000 đồng.
 - + Hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp sạch: 2.700.000.000 đồng

IV. Lấy ý kiến

UBND tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT) chủ trì đã gửi văn bản tới các Sở, ban, ngành liên quan để xin ý kiến góp ý và tổng hợp việc tiếp thu, giải trình sau khi nhận được các ý kiến góp ý và xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.

V. Giám sát và đánh giá

- Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị Quyết này.
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát và đánh giá việc thực hiện các chính sách tại Nghị quyết.

Trường hợp quá trình thực thi các chính sách quy định tại Nghị quyết này phát sinh vướng mắc, các bên liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT (NN-4HĐND_{10/11}).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH